

HỌC CỔ-ĐIỂN

1. Ích lợi của việc học chữ Hán

Cho đến nay, một số nhà nghiên cứu về sử học và ngôn ngữ Việt-Nam tạm đồng ý là nước Việt thời cổ xưa không có chữ viết. Trong thời gian Bắc-thuộc và trong thời kỳ tự-chủ (từ thế kỷ X) đến khi các kỳ thi Hán-học bị bãi bỏ (năm 1918), chữ Hán đã luôn luôn được dùng làm “quốc-gia văn-tự”. Trên từ triều đình, dưới đến dân gian, việc học, việc thi, lúc nhàn rỗi ngâm vịnh, viết gia phả văn khế, v.v... hễ cần có bút-tích đều dùng chữ Hán.

Các nước Á-đông như Nhật-Bản, Triều-Tiên cũng đã dùng chữ Hán làm văn-tự như Việt-Nam.

Chữ Hán là chữ viết, vào nước nào thì được đọc theo cách nói của nước ấy cho nên cùng một chữ Hán mà giọng đọc khác nhau.

Có nhiều chữ Hán đã “nhập-tịch” từ lâu lắm rồi vào tiếng Việt mà chúng ta quên là những chữ đó có gốc từ chữ Hán. Tiếng Việt thường dùng có đến 60% gốc từ chữ Hán, những bài về khoa học hay triết học có thể dùng đến 90% gốc từ chữ Hán. Đầu thế kỷ XX, khi bắt đầu có chữ quốc-ngữ, các nhà văn đã dùng chữ Hán-Việt để dịch sách sử, văn, thơ chữ Hán sang quốc-ngữ. Nhờ biết chữ Hán mà họ đã giúp cho quốc-văn thành lập và giữ cho quốc-văn được phong phú nhờ lập thêm những tiếng mới.

Hiện nay, các tác phẩm viết bằng chữ Hán của tiền nhân hãy còn nhiều. Muốn tìm hiểu văn-hóa nước nhà qua các sách vở chữ Hán, cần có những người có khả năng và sở thích về văn hóa cổ, tự đảm nhận trách nhiệm duy trì và bảo tồn văn hóa cổ.

Cách học chữ Hán hiện đại cần theo phương châm sau đây:

“Xưa học chữ nho là vị chữ nho mà học chữ nho, nay học chữ nho là vị quốc-văn mà học chữ nho.” (Phạm Quỳnh, *Bàn về sự dùng chữ nho trong văn quốc-ngữ*, Nam-Phong Février 1919)

Chúng ta nên bỏ lối học phiên toái đời xưa “trích-cú tâm-chương”, “nhớ từng câu từng chữ, học đến đại-chú tiểu-chú”, “tập làm văn làm bài, ngồi tĩa-tốt từng đoạn kinh-ngĩa cho lâu, từng câu tứ-lục cho cứng, từng vần phú cho già.” (Tuyết-Huy, *Bàn về vấn-đề học chữ Hán*, Nam-Phong Juin 1919)

2. Học cổ-điển

Năm 1924, khi được cử dạy môn văn chương Hán-Việt ở Trường Cao-đẳng Đông-Pháp, Phạm Quỳnh đã đề cập đến sự quan trọng của một môn học hết sức mới mẻ ở trong nước lúc bấy giờ. Đó là môn *cổ-điển-học*, “là khoa-học chuyên-trị về cổ-văn”.

a/ Một trong những mục đích đầu tiên của sự học cổ-điển là đào tạo nhân cách.

“Cái học cổ-điển ấy có ích-lợi cho nhân-cách người ta nhiều lắm. Nên tiếng Pháp gọi cái học cổ-điển là “les humanités”, nghĩa là cái học làm nên người, làm cho người văn-vẻ, khôn ngoan, tốt đẹp ra.” (Phạm Quỳnh, *Cái vấn-đề giáo-dục ở nước Nam ta ngày nay*, Nam-Phong Juin 1918)

Các nước Âu-châu đã học cổ-điển từ lâu. Phạm Quỳnh đã trích dẫn một nhà văn Tây-phương nói về sự ích lợi của môn cổ-điển-học. *

“Bởi đâu mà sự học cổ-điển ở các nước Âu-châu lại có cái hay tuyệt-đích về đường giáo-hóa cho tinh-thần người ta? Ông René Doumic nói rằng: “Cái hay bởi đâu? Hay là bởi tiêu-biểu được những cái tính căn-bản của “thân-phận người ta”, theo như lời ông Montaigne đã nói, tiêu-biểu cho siêu-việt ra ngoài cả thời-gian cùng những sự biến-loạn trong tinh-thần, trong xã-hội. Tâm-hồn cổ-nhân không có lao-động như người đời nay. Dùng nét bút đơn-sơ mà vẽ được những kiểu người thiên-cổ, dù thời-thế biến-thiên, kiểu ấy vẫn đứng, mà nét bút kia thời sau này không từng thấy nữa. Học cổ-nhân thời kẻ thanh-niên

biết làm người đứng-đắn. Sự giản-phác của cổ-nhân đó, lộ ra từ trong cách tư-tưởng cho đến lời thơ văn ...” * René Doumic (1860 – 1937)

Không phải chỉ thơ văn cổ-điển La Hy mới có những đặc tính giản ước để tả con người *thiên-cổ* mà trong thơ văn nước ta cũng có vậy.

Văn học đời Lý còn truyền lại các bài thơ của vua Lý Thái-tông và các thiên-sư. Văn học đời Trần có văn của vua Trần Thái-tông. Văn thơ hai đời Lý Trần tiêu biểu cho tư tưởng huyền ảo của vạn vật và lý tưởng vị tha của Đức Phật, khiến cho tâm hồn người Việt vừa nhiễm lòng bác ái khoan dung của Phật mà vẫn có thể mơ màng đến những chốn huyền bí xa xôi vượt ra khỏi tri thức của con người.

*Bát nhã chân vô tông
Nhân không ngã diệc không
Quá hiện vị lai Phật
Pháp tính bản tương đồng*

Lý Thái-tông

Bản dịch:

Đạo Phật vốn không dòng
Người không mình cũng không
Trước, rày, sau, các Phật
Pháp tính vẫn cùng chung

Do những lần chiến tranh với nhà Nguyên và nhà Minh, các nhà lãnh đạo chính trị nước Việt đã nhờ Nho-học để củng cố tinh thần đoàn kết và lập lại trật tự xã hội. Vì thế đã có bài *Hịch Tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Bình Ngô Đại-cáo*, *Gia-huấn-ca* của Nguyễn Trãi, v.v...

Các triều Lê, Nguyễn tiếp tục truyền thống Nho-học mà ảnh hưởng còn thấy trong các truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, *Nhị-thập-tứ-hiếu* của Lý Văn Phức, v.v..., và trong nhiều thơ văn khác của các nho-sĩ nước ta, điển hình là bài thơ *Chí làm trai* của Nguyễn Công Trứ.

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể

*Nhân-sinh tự cổ thùi vô tử
Lưu thủ đan-tâm chiếu hãn thanh
Đã hãn rằng ai nhục ai vinh
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ
Cũng có lúc mưa dòn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
Chí những toan xẻ núi lấp sông
Làm nên đáng anh hùng đầu đầy tỏ
Đường mây rộng thênh thênh cử bộ
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu*

Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858)

- *Nhân-sinh tự cổ thù vô tử
Lưu thủ đan-tâm chiếu hãn thanh.*

Hai câu thơ này của Văn Thiên-Tường trong bài *Chính khí ca*, có nghĩa là người ta ở đời xưa nay ai cũng chết nhưng làm sao để lại được tấm lòng son soi sáng sử xanh.

Nho-học thiên về duy lý, chú trọng việc duy trì kỷ cương, luôn luôn nhắc nhở những bổn phận đối với gia đình và xã hội, thì triết lý đạo Lão đã cân bằng tâm hồn con người nhờ cái thú biết hưởng cảnh thiên nhiên, biết hưởng nhàn, biết “*tri túc*”, giúp con người thoát ly những sự bó buộc của đời sống xã hội.

Một mai, một cốc, một cần câu,
Thơ thần dù ai vui thú nào.
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhấp,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585)

* *tri túc*: một trong những quan niệm sống theo đạo Lão.

Trong một bài thơ của Nguyễn Công Trứ có câu *Tri túc tiện túc đãi túc hà thời túc, Tri nhàn tiện nhàn đãi nhàn hà thời nhàn*, có nghĩa là Biết đủ tức là đủ, đợi đủ biết bao giờ đủ; Biết nhàn là nhàn, đợi nhàn biết bao giờ nhàn.

Tinh túy của ba triết lý Khổng Phật Lão đã được diễn qua thơ văn, góp phần tạo nên nhân cách con người Việt-Nam, biết theo Khổng mà tu thân sửa mình, làm việc cho gia đình xã hội, theo Phật mà khoan dung đại lượng, theo Lão mà vui hưởng cảnh nhàn.

Vì thế Phạm Quỳnh đưa ra ý kiến rằng “văn-học cổ có giá-trị về đường giáo-dục, có cái đức hay đào-luyện cho tâm-trí người ta, khác nào như một cách *thể-thao* cao-thượng về tinh-thần vậy.” (*Vấn-đề cổ-học Hán-Việt*)

b/ Sự đắc thắng của văn minh kỹ thuật phương Tây đã đưa đến hậu quả là sự say mê tin tưởng ở khoa học, cho rằng khoa học có thể giải quyết được mọi vấn đề nhân sinh. Cũng vì quá tin ở khoa học mà nhiều người đã xao lãng việc trau dồi văn hóa phương Đông.

“Ai cũng yên trí rằng cái văn-hóa cũ của mình không ra gì, cho nên xã-hội mình mới suy-đồi, thì chỉ bằng đem bỏ cả đi mà theo cách duy-tân.” (Trần Trọng Kim, *Nho-giáo*, 1930)

Loài người không phải sinh ra đã văn minh ngay. Chính nhờ vào kinh nghiệm của tổ tiên chúng ta mới tiến bước được vào tương lai.

Nhà văn Phạm Quỳnh rất thiết tha và gắn bó với việc giữ gìn hương hỏa của nòi giống để đặt làm căn bản cho sự tiến hóa của dân tộc. Ông mong rằng cái hương hỏa của dân tộc sẽ không bao giờ bị tiêu tan vào trong hình thể văn minh mới của Tây-phương.

“Tôi không thể sao tưởng-tượng rằng có ngày bao nhiêu cái nguồn sâu sinh-hoạt của dân-tộc này sẽ tiêu-tan đi hết cả, tưởng-tượng rằng cái đạo Khổng khôn-ngoa kia, cái đạo Lão siêu-việt kia, cái đạo Phật từ-bi bác-ái kia, cái thi-vị thâm-trầm nó chan-chứa trong những bài dã-ca, khúc cổ-điệu của nước nhà kia, khác nào như cái hồn thơ phảng-phất của một giống vừa biết trọng thực-tế mà cũng vừa biết ham mơ-màng, đời đời cày sâu cuốc bẫm, nhọc-nhắn trên thửa ruộng của ông cha, nhưng nghe con chim oanh học

nói, thoảng chút gió đông thổi qua, cũng biết rùng mình mà cảm-động; tôi không thể tưởng-tượng những cái đó có ngày biến mất hẳn đi được.” (*Nước Nam năm mươi năm nữa thế nào*, Nam-Phong Septembre 1930)

Do đó Phạm Quỳnh đã khẳng định: sự tiến hóa tuy cần thiết nhưng cần phải đặt căn bản ở truyền thống văn hiến của dân tộc.

“Nước Nam cần phải tiến-hóa, và cần phải tiến-hóa theo Âu-châu; đó là một lẽ tất-yếu, không những thế, lại là một vấn-đề sinh-tử nữa. Nhưng tiến-hóa không phải là đi tự chỗ không mà bước lên được. Ở chỗ gốc phải có cái gì đã. Cái gì đó là gồm cả cuộc ký-vãng của một dân-tộc, hiện-tại cùng tương-lai của dân-tộc ấy thế nào cũng là tùy-thuộc ở đó.” (*Bảo-thủ với tiến-hóa*, Nam-Phong Novembre 1930)